

Số: 34 /KH-UBND

Tân Thành, ngày 06 tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình chuyển đổi số xã Tân Thành năm 2022

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 04/5/2021 của UBND huyện về thực hiện Chương trình chuyển đổi số huyện Phú Bình giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.

Thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/ĐU ngày 17/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Thành về việc thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. UBND xã Tân Thành xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số xã Tân Thành năm 2022 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 04/5/2021 của UBND huyện về thực hiện Chương trình chuyển đổi số huyện Phú Bình giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 06-CTr/ĐU ngày 17/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Thành về việc thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo chỉ đạo của của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Huyện ủy, UBND Huyện, Đảng ủy xã để triển khai thực hiện bảo đảm kịp thời, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn tại địa phương.
- Việc triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số phải tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành. Khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ở địa phương.
- Kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

1.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- Trên 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Trên 80% tổng số hồ sơ công việc tại cấp huyện và trên 60% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ đến tận xã.

- Trên 50% các hoạt động kiểm tra của cơ quan được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Phân đầu đến hết năm 2021, có trên 80% các dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4.

1.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phân đầu kinh tế số chiếm trên 20% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%.

1.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 80% hộ gia đình.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

2.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ công trực tuyến của xã.

- Trên 70% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật, kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Trên 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm trên 30% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

A. NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ phát triển Xã hội số (07 nhiệm vụ)

1.1. Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số - XH1.

1.2. Đào tạo và ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục - XH2.

1.3. Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân - XH3.

1.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục - XH4.

- 1.6. Xây dựng môi trường số an toàn và tin cậy cho cộng đồng - XH6.
- 1.7. Tuyên truyền phổ cập Internet và thiết bị điện tử trên toàn xã -XH7.

2. Nhiệm vụ phát triển Kinh tế số (10 nhiệm vụ)

- 2.1. Xây dựng và đẩy mạnh môi trường thương mại điện tử trên địa bàn xã-KT1.
- 2.2. Triển khai phổ cập thanh toán điện tử - KT3.
- 2.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp - KT4.
- 2.4. Phát triển, phổ cập công nghệ thông tin, số hóa cho doanh nghiệp khởi nghiệp - KT5.
- 2.5. Thúc đẩy sử dụng giải pháp số cho các doanh nghiệp trong xã - KT6.
- 2.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch - KT7.
- 2.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp - KT8.
- 2.8. Đẩy mạnh phát triển sử dụng công cụ tài chính số - KT9.
- 2.9. Chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông - KT10.
- 2.10. Khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh trong nền kinh tế - KT11.

3. Nhiệm vụ xây dựng Chính quyền số (13 nhiệm vụ)

- 3.1. Đào tạo phát triển nhân lực và nhận thức chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước - CQ1.
- 3.2. Phát triển CSHT và nền tảng dữ liệu chung - CQ2.
- 3.3. Triển khai thí điểm ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số - CQ3.
- 3.4. Số hóa hệ thống dịch vụ công - CQ4.
- 3.5. Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số - CQ5.
- 3.6. Khai thác, sử dụng tài liệu công nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước - CQ6.
- 3.7. Xây dựng dữ liệu thống kê phân tích chuyển đổi số - CQ7.
- 3.8. Số hóa hoạt động và dữ liệu tư pháp - CQ8.
- 3.9. Số hóa hệ thống điều hành Đảng ủy - CQ9.
- 3.10. Xây dựng và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin ở các đơn vị cơ quan nhà nước - CQ10.
- 3.11. Nâng cấp hệ thống, cơ sở hạ tầng số quản lý tài nguyên môi trường - CQ11.
- 3.12. Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước - CQ12.
- 3.13. Đổi mới và kiến tạo cơ cấu, quản trị phù hợp với quá trình chuyển đổi số - CQ13.

4. Nhiệm vụ xây dựng Hạ tầng đô thị thông minh (2 nhiệm vụ)

- 4.1. Xây dựng, triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong giao thông thông minh - HT1.
- 4.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường thông minh - HT2.

5. Một số lĩnh vực ưu tiên trong Chuyển đổi số (07 lĩnh vực)

- 5.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực cải cách hành chính: CQ4
- 5.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế: XH5
- 5.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục: XH4
- 5.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng: KT9

5.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường: CQ11

5.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp: KT8

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này)

B. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện chuyển đổi số

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Nhà nước trong quá trình triển khai, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; có cơ chế phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Chủ tịch UBND xã chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, xác định rõ nội dung công việc, biện pháp thực hiện, phân công rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân; tăng cường đôn đốc, kiểm tra; gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đặc biệt trên môi trường số về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến Chương trình chuyển đổi số để mỗi cán bộ, công chức, viên chức và người dân nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận tự giác tham gia chuyển đổi số.

3. Ưu tiên nguồn lực tài chính và nhân lực cho chuyển đổi số

Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính, huy động và bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực chỉ đạo, nghiên cứu và tham mưu thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương.

4. Phát triển hạ tầng số

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông có kế hoạch xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn xã. Ưu tiên phát triển tại cơ quan nhà nước, trường học, khu dân cư...

- Chuyển đổi mạng Internet của xã Tân Thành sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử sử dụng tên miền quốc gia (.vn).

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

5. Phát triển nền tảng số

Xác định danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số và có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các hệ thống này.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng cơ chế hợp tác, đối thoại để giải quyết các vấn đề phát sinh; cơ chế hợp tác giữa UBND xã và các hội, hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp trong xây dựng và thực thi chính sách.

- Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng và xác định, phát hiện các thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng để kịp thời xử lý, gỡ bỏ.

- Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số phải phát triển các hệ thống nền tảng và mạng lưới hạ tầng gắn với đảm bảo an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công và bảo vệ một cách chủ động.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật hiện hành, xác định những nội dung, nhiệm vụ chuyển đổi số và dự toán kinh phí trình UBND huyện phê duyệt.

- Định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định.

2. Công chức văn hóa- xã hội

- Là bộ phận Thường trực triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu UBND xã các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND huyện, UBND xã theo quy định.

3. Công chức Tài chính- Kế toán

- Tham mưu UBND xã xây dựng kế hoạch, lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Các tổ chức, cá nhân, cán bộ, công chức xã nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND xã để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng VH&TT;
- BTV Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó CT UBND xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- MTTQ, các ngành;
- Lưu: VT.



Hoàng Văn Giới

Phụ lục: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN ĐỘI SỐ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022 của UBND xã Tân Thành)



STT	Mã nhiệm vụ/hành động	Bộ phận chủ trì & Nội dung nhiệm vụ	Bộ phận phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Công chức văn hóa-xã hội			
	XH1	Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số		
1.1	XH1.1	Xây dựng thông tin, tin tức về chuyển đổi số	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022
1.2	XH1.3	Tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số		
	XH6	Xây dựng môi trường số an toàn và tin cậy cho cộng đồng		
1.3	XH6.1	Cung cấp thông tin và kiến thức về an toàn trên môi trường số	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022
1.4	XH6.2	Xây dựng cơ chế an toàn số cho cộng đồng		
	XH7	Tuyên truyền phổ cập Internet và thiết bị điện tử trên toàn huyện, đặc biệt là các vùng còn khó khăn		
1.5	XH7.1	Tuyên truyền phổ cập chuyển đổi số đến toàn xã	Các xóm	2022
	KT10	Chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông		
1.6	KT10.1	Xây dựng cơ chế hỗ trợ phát triển viễn thông	Các doanh nghiệp viễn thông	2022-2024
1.7	KT10.2	Ứng dụng cơ chế hỗ trợ tối ưu hóa cơ sở hạ tầng viễn thông		
	CQ2	Phát triển CSHT và nền tảng dữ liệu chung của xã		
1.8	CQ2.1	Phát triển CSHT cơ bản và hệ thống hiện có	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022-2023
1.9	CQ2.2	Xây dựng nền tảng số mới phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, và xã hội số		

	CQ5	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số		
1.10	CQ5.2	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin - truyền thông	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022 đến sau năm 2025
	CQ6	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước		
1.11	CQ6.1	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý nội bộ cơ quan quản lý nhà nước	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	Thường niên, bắt đầu từ 2022
1.12	CQ6.2	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý tổng thể huyện		
	CQ10	Xây dựng và nâng cấp hệ thống CNTT ở các cơ quan nhà nước		
1.13	CQ10.1	Khuyến khích truyền thông minh bạch về quá trình chuyển đổi số	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	Thường niên
1.14	CQ10.2	Xây dựng hạ tầng nền tảng chuyển đổi số		2022-2023
	CQ12	Xây dựng, triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước		
1.15	CQ12.1	Xây dựng quy chế, chính sách an toàn an ninh mạng		2022
1.16	CQ12.2	Thực hiện đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng an toàn an ninh mạng	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022
1.17	CQ12.3	Xây dựng nền tảng bảo đảm an toàn an ninh mạng		2022
	KT7	Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch		
1.18	KT7.1	Phát triển thông tin quảng bá du lịch	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022
	XH1	Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số		
1.19	XH1.1	Xây dựng thông tin, tin tức về chuyển đổi số	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022
1.20	XH1.2	Tọa đàm và trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số		

2		Các trường học trên địa bàn xã	
	XH2	Đào tạo và ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục	
2.1	XH2.1	Giới thiệu và đào tạo các kỹ năng cần thiết trong môi trường số	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức
2.2	XH2.2	Triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số	xã, các Trường học trên địa bàn xã
	XH3	Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân	
2.3	XH3.1	Xây dựng môi trường đào tạo kỹ năng số	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức
2.4	XH3.2	Phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng (có thể thực hiện theo ngành dọc)	xã, các Trường học trên địa bàn xã
	XH4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục	
2.5	XH4.1	Xây dựng và áp dụng ứng dụng số trong giáo dục	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức
2.6	XH4.2	Triển khai đẩy mạnh ứng dụng số tại các đơn vị đào tạo	xã, các Trường học trên địa bàn xã
3	XH5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế	
3.1	XH5.1	Nâng cấp hạ tầng và xây dựng nền tảng số trong y tế	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức
3.2	XH5.2	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động y tế	xã, Trạm y tế xã
4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính ngân sách		
	KT9	Đẩy mạnh phát triển sử dụng công cụ tài chính số	
4.1	KT9.3	Triển khai sử dụng hệ thống quản lý số trong ngành Tài chính, ngân hàng	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã
5	KT4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp	
			2022 đến sau 2025

5.1	KT4.1	Số hóa dữ liệu ngành nông nghiệp		MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022-2024
5.2	KT4.2	Ứng dụng CNTT vào quản lý, phát triển ngành nông nghiệp			2022-2023
6 Văn phòng HĐND&UBND xã					
	CQ4	Số hóa hệ thống dịch vụ công			
6.1	CQ4.1	Xây dựng phòng họp không giấy tờ; nâng cấp, khai thác hiệu quả công thông tin điện tử xã		MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022-2025
6.2	CQ4.2	Thử nghiệm triển khai hiệu quả dịch vụ mới			
6.3	CQ4.3	Tiếp tục triển khai số hóa kết quả thủ tục hành chính có hiệu lực			
	CQ7	Xây dựng dữ liệu thông kê phân tích chuyên đổi số			
6.4	CQ7.1	Số hóa và tối ưu hóa dữ liệu hiện tại			
6.5	CQ7.2	Triển khai giải pháp thống kê chuyên ngành về tình hình kinh tế - xã hội địa phương trên môi trường số		MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022-2025
7 Cán bộ phụ trách LD TBXH					
	CQ5	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số			
7.1	CQ5.5	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý lao động và quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn		MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022
8 Công chức Tư pháp- Hộ tịch					
	CQ8	Số hóa hoạt động và dữ liệu tư pháp			

8.1	CQ8.1	Số hóa và áp dụng CNTT cho quản lý thông tin công				
8.2	CQ8.2	Số hóa và xây dựng, cập nhật mới hệ thống dịch vụ công ngành tư pháp; xây dựng phần mềm đấu giá tài sản trực tuyến	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022-2023	2022	
9 Văn phòng Đảng ủy						
	CQ9	Số hóa hệ thống điều hành Đảng ủy				
9.1	CQ9.1	Xây dựng kiến trúc và nền tảng điều hành của Đảng				
9.2	CQ9.2	Số hóa và nâng cấp hệ thống CNTT hiện tại	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022	2022-2023	
10 Công chức địa chính NN xây dựng và Môi trường						
	CQ11	Nâng cấp hệ thống, cơ sở hạ tầng số quản lý tài nguyên môi trường				
10.1	CQ11.1	Quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên - môi trường				
10.2	CQ11.2	Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý tài nguyên - môi trường; Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin tài nguyên - môi trường	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022	2022 đến sau năm 2025	
	HT2	Kiểm soát ô nhiễm môi trường thông minh				
10.3	HT2.1	Kiểm soát quản lý tình hình hiện tại				
10.4	HT2.2	Ứng dụng CNTT vào quản lý môi trường tương lai	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022-2023	2022	
11 Công an xã						

	CQ12	Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước		
11.1	CQ12.1	Xây dựng quy chế đảm bảo an toàn an ninh mạng	MTTQ, các ngành của xã, cán bộ, công chức xã	2022-2023